

Bản án số: 19/2022/HS-ST  
Ngày: 09/5/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chí

Ông Lê Thuận Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Diện, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 25/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 25/4/2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T**, sinh ngày 10/11/1984 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu B, sinh năm 1958 và bà: Lê Thị M, sinh năm 1964; chồng: Không, con: Có 01 con, sinh năm 2008; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 27/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 10/01/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T thuộc diện hộ nghèo và khuyết tật,*** ông Hoàng Minh T, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

***- Bị hại:***

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Bà Võ Thị Liễu, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- + Anh Phạm Công T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
- + Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;
- + Bà Phạm Thị G, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 09/8/2021, Nguyễn Thị T điều khiển xe đạp từ nhà ở thôn T, xã T đến khu vực chợ C, xã D, khi đạp xe qua khu vực chợ C, thấy trước quầy thuốc T có một chiếc xe đạp mini của bà Phạm Thị Đ, T đã dựng chiếc xe đạp của mình ở quầy thuốc T rồi đến lấy chiếc xe đạp mini đem đi bán cho chủ quán phở liệu là Phạm Thị H với giá 135.000 đồng. Sau đó T đi bộ quay trở lại lấy xe đạp của mình.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 14/8/2021, Nguyễn Thị T đi xe đạp đến khu vực chợ C, thấy trước quán điện thoại di động H có một chiếc xe đạp nữ của bà Võ Thị L, T lấy trộm rồi buộc vào xe của mình điều khiển chở đến bán cho bà Phạm Thị G với giá 150.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 15/8/2021, Nguyễn Thị T đi xe đạp đến khu vực chợ C, thấy trước hiên nhà anh Đinh Tiên H, đối diện cổng phụ vào chợ C có 01 chiếc xe đạp nam của bà Lê Thị T, T để chiếc xe đạp của mình cạnh vị trí chiếc xe đạp nam rồi lấy chiếc xe đạp nam mang đi bán cho bà Phạm Thị H, chủ quán phở liệu với giá 135.000 đồng. Sau đó Thủy quay lại lấy xe đạp của mình đi về nhà.

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị T khai nhận, thời gian cách vụ thứ nhất về trước khoảng 06 tháng, T lấy trộm một chiếc xe đạp màu vàng sữa (vàng nhạt) tại khu vực chợ M, xã H, huyện L nhưng vị trí lấy trộm xe T không nhớ.

*Về vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy tạm giữ 01 xe đạp nam, khung màu xám; 01 xe đạp nữ khung màu xanh; 01 xe đạp mini nữ khung màu vàng nhạt; 01 xe đạp mini nữ, khung và tay cầm màu đỏ (tất cả có đặc điểm như miêu tả tại biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện).

Ngày 21/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy đã định giá và kết luận: Xe đạp nam của bà Lê Thị T có giá 200.000 đồng; xe đạp nữ của bà Võ Thị L có giá trị 150.000 đồng; xe đạp mini của bà Phạm Thị Đ có giá trị 850.000 đồng; xe đạp mini nữ màu vàng nhạt, dè trước, dè sau và bảo vệ xích có màu đỏ có giá trị 950.000 đồng.

Ngày 10/10/2021, Cơ quan Điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu, riêng xe đạp mini nữ màu vàng nhạt, Cơ quan Điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra và xử lý sau.

*Về dân sự:* Các bị hại Phạm Thị Đ, Võ Thị L, Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 1088/KLGD ngày 13/12/2021 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, trước thời điểm gây án, tại thời điểm gây án và tại thời điểm hiện tại:

- Về y học: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0)/ Chậm phát triển tâm thần mức độ trung bình;

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSNDLT ngày 25/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 03 đến 06 tháng tù; vật chứng: Đề nghị tiếp tục tạm giữ xe đạp mini nữ màu vàng nhạt, để Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra và xử lý sau; trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T, ông Hoàng Minh Tiến, trình bày lời bào chữa cho bị cáo với nội dung: Nhất trí như bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Thị T, đồng thời phân tích thêm về điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, mức độ nhận thức pháp luật của bị cáo T: Qua giám định, bị cáo T bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên mức độ nhận thức pháp luật có hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của xã T và đối tượng khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên túng thiếu sinh ra trộm cắp vật; quá trình điều tra, truy tố, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Thủy tại các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, để xử bị cáo với mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, khắc phục những lỗi lầm bản thân, có điều kiện chăm sóc con trai đang học phổ thông; về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo của xã T năm 2022 và đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo khai do không có nghề nghiệp, thu nhập, bị cáo thường đi nhặt và mua ve chai về bán kiếm tiền nuôi con, do túng thiếu nên trong thời gian từ ngày 09 đến ngày 15/8/2021, bị cáo đã lấy trộm ba chiếc xe đạp ở khu vực chợ C đưa đến bán cho bà H là chủ quán phở liệu và bà G, để lấy tiền tiêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị T đã ba lần có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị Đ, bà Võ Thị L và bà Lê Thị T, có tổng giá trị 1.200.000 đồng, trong khi Nguyễn Thị T đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân. Bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện ba vụ trộm cắp tài sản, mỗi vụ đều có giá trị dưới hai triệu đồng; Tại bản án số 62/HSST ngày 27/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản, Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 07/2020/QĐ-CA ngày 30/01/2020. Như vậy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án trên nhưng chưa được xóa án tích, đến ngày 09/8/2021 cho đến ngày 15/8/2021 Nguyễn Thị T ba lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã căn cứ giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã H số 44 năm 2016, xác nhận Nguyễn Thị T bị khuyết tật dạng nghe - nói, mức độ khuyết tật nặng nên Cơ quan Điều tra đã trưng cầu giám định về tình trạng tâm thần của Nguyễn Thị T. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị T là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình. Do đó, khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, đồng thời xem xét về hoàn cảnh của bị cáo, thuộc hộ nghèo, một mình nuôi con ăn học và là đối tượng có khuyết tật về giọng nói được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Sau khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng và hoàn cảnh thực tế của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, đối với bị cáo Nguyễn Thị T, lẽ ra phải áp dụng biện pháp cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo tập trung mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nhưng xét toàn diện, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục là phù hợp với Điều 36 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về khẩu trừ thu nhập: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, chồng đã ly hôn năm 2019, đang một mình nuôi con nên cần miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6]. Tình tiết liên quan trong vụ án: Bà Phạm Thị H, chủ quán phở liệu và bà Phạm Thị G là người mua xe đạp do T trộm cắp đem đến bán nhưng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[7]. Về vật chứng: Những vật chứng đã tạm giữ, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét; riêng xe đạp mini nữ màu vàng nhạt, Nguyễn Thị T đã lấy trộm tại khu vực chợ M, xã H chưa xác định được bị hại, cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục tạm giữ để cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau nên cần chấp nhận là phù hợp.

[8]. Về dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[10]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 36 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải thực hiện những nghĩa vụ của người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú, thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe đạp mini nữ màu vàng nhạt (có đặc điểm như miêu tả tại biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện) để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị T.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/5/2022), bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- VKSND t. Quảng Bình;
- TAND t. Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy
- Sở Tư pháp t. Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

***Trương Thị Nhàn***